

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 08-01-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hoài; Ông Lê Phi Long.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:**
Bà Trương Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 147/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HS ngày 16/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Đức T (*tên gọi khác: không có*); sinh ngày 04/8/1991 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ G, khu I, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: nhân viên giao hàng Công ty TNHH B1; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn H (đã chết) và bà Dương Thị Thúy N (đã chết); vợ, con: chưa có;

- Tiền án:

+ Ngày 20/02/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm, xử phạt 30 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 25/11/2013, chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương.

+ Ngày 25/4/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/6/2017, chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương

+ Ngày 02/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 31/7/2018, chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương.

+ Ngày 04/01/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 36 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 17/6/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 24 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt, buộc chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 60 tháng tù. Ngày 27/05/2023, chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương.

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 12/6/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù, về tội: “Cướp tài sản”.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 04/8/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông: Lindsay Bruce P, sinh ngày 24/02/1959; số hộ chiếu: PB5862717 nơi cư trú: số B đường D, B, Australia, vắng mặt tại phiên tòa;

+ Bà: Barbara J, sinh ngày 31/8/1958; số hộ chiếu: PA9916373; nơi cư trú: Số A đường O 8th B, Australia, vắng mặt tại phiên tòa;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Từ Thị T1, sinh năm: 1971; nơi cư trú: số nhà E, tổ G, khu I, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Anh: Dương Tùng A, sinh ngày: 10/12/1994; nơi cư trú: tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;

+ Chị: Nguyễn Thị B, sinh ngày: 01/8/1977; nơi cư trú: tổ B, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh: Trần Văn M, sinh năm: 1979; nơi cư trú: tổ F, khu A, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh: Hoàng Nhật H1, sinh năm: 2003; nơi cư trú: tổ I, khu E, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa;

+ Anh: Đinh Quang H2, sinh ngày 14/06/2001; nơi ở: Chung cư S, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/8/2024, ông Lindsay Bruce P (sinh năm 1959) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 34B1-375.59 chở bà Barbara Jean O (sinh năm 1958) (đều là khách du lịch Quốc tịch Úc) đến quán nước trên vỉa hè trước cửa nhà số A, đường N, thuộc tổ E, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, ông P đỗ xe dưới lòng đường, sát vỉa hè, mở cốp xe (yên xe dựng vuông góc với thân xe) lấy đồ, nhưng không đóng lại cốp xe, rồi cả hai vào quán nước cách vị trí đỗ xe 04 mét ngồi uống nước. Đến 14 giờ 25 phút, Dương Đức T là nhân viên giao hàng Công ty TNHH B1, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14B1 - 713.11 (*trong tình trạng dương tính với ma túy Cần sa*) đi giao hàng theo hướng từ trên dốc Ngân hàng về phía Quốc lộ A. Khi đến chân dốc, T quan sát thấy xe mô tô của ông P đang đỗ không có người bên cạnh, không đóng cốp xe, trong cốp xe có 01 (một) balo không kéo khóa, nhìn thấy trong balo có tiền, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trên để lấy tiền chi tiêu. T điều khiển xe dừng sát phía bên trái xe mô tô của ông P, rồi dùng tay phải lấy chiếc balo trên ra khỏi cốp, ném ngay vào giỏ hàng gắn phía sau xe mô tô của T. Cùng lúc, ông P phát hiện hô hoán, chạy bộ đuổi theo. T ngay lập tức điều khiển xe mô tô tăng ga bỏ chạy, đồng thời quay lại nhìn thì thấy ông P vẫn đang chạy bộ đuổi theo phía sau, nên T nghĩ balo trên là tài sản của ông P. T tiếp tục điều khiển xe tăng tốc để ông P không đuổi kịp. Khi đến khu vực vòng xuyến Kênh L, T không nhìn thấy ai đuổi theo, thì điều khiển xe đến khu vực phía sau nhà văn hóa khu A1, phường H để kiểm đếm tài sản trong balo đã giật được, thấy bên trong có: nhiều tờ tiền ngoại tệ được buộc tròn bằng dây nịt, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung cùng giấy tờ của ông P và bà O. T lấy hết toàn bộ số tài sản trên cất giấu vào túi xách T đang đeo trên người, rồi ném balo cùng toàn bộ giấy tờ xuống bụi cỏ phía sau nhà văn hóa. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến nhà em họ là anh Dương Tùng A tại khu D, phường H, thành phố H, nhờ anh Tùng A đổi tiền. Do anh Tùng A đang dọn nhà, nên T để lại toàn bộ số tiền ngoại tệ trên bàn phòng khách. Đến khoảng 16 giờ, anh Tùng A gọi điện cho T hỏi nguồn gốc số tiền nhờ đổi, thì T nhận là do T cướp giật của du khách nước ngoài. Anh Tùng A yêu cầu T trả lại cho bị hại, nếu không anh Tùng A sẽ ra trình báo Công an, thì T hẹn sẽ quay lại lấy sau. Khoảng 16 giờ 30 phút, T điều khiển xe đến khu vực tổ E, khu H, phường H giao hàng. Tại đây, do sợ bị Công an phát

hiện, T đã ném điện thoại của ông P xuống gầm xe ô tô BKS 14A – 420.58 của anh Phạm Đức T2 đang đỗ trong bãi đỗ xe của cửa hàng điện máy HC rồi về nhà.

Về phía ông P và bà O, khoảng 15 giờ 20 phút, sau khi quay về nơi lưu trú tại khách sạn D, khu P V, phường H, thành phố H, ông, bà đã nhờ anh Đinh Quang H2 là lễ tân khách sạn ra trình báo Công an và giao nộp 01 (một) DVD lưu trữ dữ liệu điện tử hình ảnh camera an ninh, ghi lại diễn biến vụ việc ông, bà bị người khác lấy ba lô và tài sản.

Căn cứ vào tài liệu điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp đối với Dương Đức T, thu giữ của T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 14B1- 713.11 gắn phía sau 01 (một) giá nhựa và 02 (hai) bao tải dứa; 01 (một) điện thoại Redmi Note 13; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A12; 01 (một) quần dài màu đen, 01 (một) áo phông in logo Công ty B1, 01 (một) áo chống nắng màu đen. Cơ quan điều tra tiến hành đưa Dương Đức T chỉ dẫn, xác định địa điểm, phát hiện, thu giữ tại khu vực phía sau nhà văn hóa khu A, phường H: 01 (một) balo bên trong có 01 (một) ví da; cùng toàn bộ Hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ tùy thân khác của ông P và bà O.

Anh Phạm Đức T2 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S8. Anh Dương Tùng A tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ số ngoại tệ gồm: 1385 đô la Úc, 1584 rupiah Indonesia, 20.000 kíp Lào, 40 đô la Mỹ, 18 R Malaysia; tổng trị giá quy đổi ra tiền Việt Nam là 22.934.351 đồng (*theo Công văn số 668/05.8.2024 của Ngân hàng N1 cung cấp tỷ giá ngoại tệ*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 157/KLĐGTS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: Giá trị 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S8, thời điểm tháng 8/2024 là 2.427.000 đồng. Từ chối định giá 01 (một) balo dạng túi đeo chéo và 01 (một) ví da do không có đầy đủ thông tin và nhãn hiệu, nguồn gốc, xuất xứ.

Tại Bản Kết luận giám định số 1623/KL-KTHS ngày 30/10/2024, của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: Nội dung hình ảnh trong 02 tệp video lưu trữ hình ảnh camera gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Quá trình điều tra, Dương Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra còn thừa nhận đối tượng điều khiển xe mô tô bỏ chạy trong clip camera an ninh đúng là T đang thực hiện hành vi cướp giật chiếc balo trong cốp xe máy. Bộ quần áo T giao nộp cho Công an chính là bộ quần áo T mặc khi xuất

hiện trong clip. Khi T giật túi thì ông P lập tức phát hiện đuổi theo hô hoán, nhưng do đang đeo tai nghe, nên T không nghe rõ cụ thể. T không rõ số lượng, chủng loại, mệnh giá ngoại tệ đã chiếm đoạt. Toàn bộ số ngoại tệ lấy được T gửi anh Tùng A, ngoài ra không còn số tiền nào khác, T chưa kịp sử dụng tài sản chiếm đoạt được thì đã bị bắt giữ.

Vật chứng, tài sản trong vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại toàn bộ số ngoại tệ thu giữ; 01 (một) điện thoại di động; 01 (một) balo; 01 (một) ví da; toàn bộ Hộ chiếu, thị thực và các giấy tờ tùy thân khác cho chủ sở hữu hợp pháp là ông P và bà O. Đối với các vật chứng thu giữ của Dương Đức T, đang bảo quản tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, sẽ chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh để quản lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số: 6940/CT-VKSQN-P2 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Dương Đức T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại các điểm c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Đức T khai nhận hành vi phạm tội như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo thừa nhận bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng tội, không bị oan. Tuy nhiên bị cáo không thừa nhận tổng số tài sản như bị hại yêu cầu, toàn bộ tài sản bị cáo cướp giật có tổng giá trị là 25.361.351đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm năm mươi một đồng) và đã trả lại cho bị hại.

Bị hại Ông P và bà O có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp nhau về việc trong balo bị cướp giật chứa tổng cộng 4000 đô la Úc (gồm 2000 đô Úc của ông P và 2000 đô Úc của bà O) và còn chứa số tiền 3.200.000 VNĐ. Cả hai yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền còn thiếu, gồm 2615 đô la Úc và 3.200.000 VNĐ. Tổng số tiền bị hại yêu cầu bị cáo còn phải hoàn trả là 44.446.464 VNĐ (quy đổi theo tỷ giá 01 đô la Úc = 15.773,0265 VNĐ - theo Công văn số 668/05.8.2024 của Ngân hàng N1 cung cấp tỷ giá ngoại tệ).

Chị Từ Thị T1 trình bày chị cho bị cáo mượn chiếc xe máy để sử dụng đi làm, chị không biết T dùng để làm phương tiện đi cướp giật tài sản nên đề nghị được xin lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa rút một phần quyết định truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự (*Chỉ truy tố bị cáo T chiếm đoạt tài sản trị giá 25.361.351đồng*) và giữ nguyên

quyết định truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Dương Đức T phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Đức T từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy tài sản thu hồi được trả lại cho bị hại, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền” đối với bị cáo.

Đối với đề nghị bị cáo trả lại số tiền 44.446.464đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) của bị hại, do cần kết quả ủy thác tư pháp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q nên đề nghị tách yêu cầu bồi thường của bị hại để giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ, xử lý án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo Dương Đức T thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 25 phút ngày 03/8/2024, tại tổ E, khu A, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, lợi dụng sơ hở của người bị hại, Dương Đức T có hành vi điều khiển xe mô tô BKS 14B - 713.11, dừng lại cạnh xe mô tô BKS 34B1-

375.59 do ông Lindsay Bruce P quốc tịch Úc đang quản lý, T đã nhanh chóng giật lấy 01 (một) balo bên trong có 1385 đô la Úc, 1584 rupiah Indonesia, 20.000 kíp Lào, 40 đô la Mỹ, 18 Ringgit M; 01 điện thoại Samsung galaxy S8. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo cướp giật của bị hại quy đổi ra tiền Việt Nam là 25.361.351đ (Hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm năm mươi một đồng).

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì mục đích tư lợi và thái độ coi thường pháp luật mà bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô thực hiện việc cướp giật tài sản của người nước ngoài, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật và có nguy cơ xảy ra tai nạn gây thương tích cho những người tham gia giao thông khác. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, do đó lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm”, quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Mặc dù Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo thêm tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào lời khai của bị cáo, các tài liệu có trong hồ sơ và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Dương Đức T phạm vào tội “Cướp giật tài sản” quy định tại các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thay đổi nội dung truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy, xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: các vật chứng thu trong vụ án gồm:

T3 của bị cáo 02 điện thoại đi động + 02 sim kèm theo. 02 chiếc điện thoại này là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với các đồ vật như: 01 quần vải đen; 01 áo phông có cổ màu đỏ; 01 áo khoác dài tay, xét thấy số tài sản này thu của bị cáo không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 14B1-713.11 và các tài sản kèm theo xe. Mặc dù bị cáo sử dụng làm công cụ thực hiện việc phạm tội, nhưng xét thấy đây là tài sản của chị Từ Thị T1, chị T1 cho T mượn để sử dụng, không biết T dùng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra đã xác định việc mua bán hợp pháp mặc dù chị T1 chưa đăng ký việc sang tên. Do vậy cần trả lại cho chị Từ Thị T1.

[6] Về trách nhiệm dân sự: ngoài số tiền và tài sản mà bị hại đã được nhận lại gồm 1385 đô la Úc, 1584 rupiah Indonesia, 20.000 kíp Lào, 40 đô la Mỹ, 18 Ringgit M; 01 điện thoại Samsung galaxy S8. Ông Lindsay Bruce P và bà Barbara Jean O còn yêu cầu bị cáo phải trả tiếp số tiền còn thiếu là 2615 đô la Úc và 3.200.000 VNĐ được quy đổi ra tổng số tiền là 44.446.464đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã ra quyết định ủy thác tư pháp yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự để làm rõ yêu cầu của bồi thường của các bị hại, đến nay vẫn chưa có kết quả. Xét thấy, chưa có đầy đủ tài liệu, chứng cứ để giải quyết, Hội đồng xét xử tách yêu cầu bồi thường của bị hại để giải quyết bằng vụ án khác. Người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Liên quan trong vụ án, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định anh Phạm Đức T2 nhặt được điện thoại do T vứt xuống gầm xe của anh T2; anh Dương Tùng A được T nhờ đổi ngoại tệ; nhưng anh T2 không biết nguồn gốc chiếc điện thoại, anh Tùng A không biết nguồn gốc ngoại tệ do T cướp giật mà có, nên không xem xét.

Đối với một số nội dung, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Tối cao yêu cầu Cơ quan Tổng Chương lý Australia, liên bang Australia tương trợ tư pháp, hiện chưa có kết quả. Xét thấy, các tình tiết của vụ án đã rõ không ảnh hưởng đến việc xử lý hình sự đối với bị cáo, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Dương Đức T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào các điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Đức T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2024.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại Dương Đức T 02 điện thoại đi động + 02 sim kèm theo;

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần vải đen; 01 áo phông có cổ màu đỏ; 01 áo khoác dài tay;

Trả lại cho chị Từ Thị T1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 14B1-713.11 và các tài sản kèm theo gắn trên chiếc xe này.

Tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 43 ngày 02/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Dương Đức T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; bị hại; người có ql, nv liên quan;
- TTG CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn